

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2014

Số: 1022./QĐ-YDHP

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Đề cương chi tiết và**  
**Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp 1**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân .

Căn cứ quyết định 1636/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế ban hành quy chế đào tạo Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 ngành Y.

Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Đào tạo sau Đại học, Trưởng Bộ môn liên quan

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương chi tiết và Chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp 1 Y học cổ truyền, Mã số: 607260.CK

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Trưởng Bộ môn Y học cổ truyền và các bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c)
- Lưu ĐTSDH;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**HIỆU TRƯỞNG**  
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

## LỜI GIỚI THIỆU

Chương trình đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền được xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau:

1. Luật Giáo dục được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 02/12/1998.
2. Nghị định của Chính phủ số 43/2000/NĐ-CP ngày 30/8/2000 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.
3. Thông tư liên tịch số 30/2003/TTLT/BGD&ĐT-BYT ngày 01/7/2003 của Bộ Giáo dục & Đào tạo - Bộ Y tế Hướng dẫn việc chuyển đổi giữa các văn bằng và trình độ đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế.
4. Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học
5. Kết quả thông qua Hội đồng khoa học của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc xây dựng chương trình đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền, được Chủ tịch Hội đồng ký ngày 14 tháng 11 năm 2003.

# **Phần giới thiệu chung**

## **GIỚI THIỆU NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO**

1. **Bậc học:** sau đại học.
2. **Chuyên ngành đào tạo:** Y học cổ truyền.
3. **Chức danh sau khi tốt nghiệp:** Chuyên khoa I.
4. **Mã số đào tạo:** 607260 CKI.
5. **Thời gian đào tạo:** 2 năm
6. **Hình thức đào tạo:** Tập trung – 2 năm.
7. **Đối tượng tuyển sinh:**
  - Bác sĩ chuyên khoa Y học cổ truyền.
  - Bác sĩ có chứng chỉ định hướng chuyên khoa Y học cổ truyền.
8. **Cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
9. **Bậc học có thể tiếp tục:** Chuyên khoa II.

# MÔ TẢ NHIỆM VỤ

## **1. Khám chẩn đoán và điều trị:**

1.1. Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị bằng phương pháp Y học cổ truyền các bệnh thường gặp chủ yếu trong các khoa: Nội, Nhi, Ngoại, Phụ.

1.2. Thực hành được thành thạo các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc: phương pháp châm cứu và xoa bóp.

1.3. Sử dụng được cơ bản các phương pháp chữa bệnh dùng thuốc (phương tễ, cách sử dụng thuốc) trên lâm sàng.

## **2. Điều trị và hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân tại nhà và cộng đồng:**

2.1. Theo dõi, hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân tại nhà sau khi đã được điều trị tại bệnh viện Y học cổ truyền.

2.2. Triển khai và giám sát công tác chữa bệnh không dùng thuốc ở tuyến y tế cơ sở.

## **3. Phòng bệnh và giáo dục sức khỏe:**

3.1. Tham gia công tác phòng bệnh và các chương trình sức khỏe tại địa phương.

3.2. Hướng dẫn giáo dục cho người dân sử dụng đúng các loại thuốc nam trong phòng và điều trị bệnh tại cộng đồng.

## **4. Tổ chức quản lý và nghiên cứu khoa học:**

4.1. Tổ chức và xây dựng một khoa Y học cổ truyền quận – huyện.

4.2. Chỉ đạo xây dựng vườn thuốc nam tại tuyến y tế cơ sở.

4.3. Tham gia thiết kế và thực hiện nghiên cứu khoa học ở cơ sở đang công tác.

# **CHUẨN ĐẦU RA**

## **BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

### **Tên chuyên ngành đào tạo:**

Bác sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền (CKI)

The First Degree Specialist Program in Traditional medicine

**1. Trình độ đào tạo:** Chuyên khoa cấp I (CKI) là loại hình đào tạo sau đại học đặc thù của ngành y tế, áp dụng cho tất cả các chuyên ngành lâm sàng và thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực khoa học sức khỏe nhằm mục đích đào tạo nhân lực y tế có khả năng thực hành trong một chuyên ngành rộng bổ sung một số kiến thức cơ bản và y dược học cơ sở đa học trong đại học để có thể tự học vươn lên trở thành các chuyên gia y tế thực hành y khoa

### **2. Yêu cầu về kiến thức:**

2.1. Có kiến thức triết học sau đại học theo chương trình khung qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

2.2. Có trình độ Anh văn trình độ B.

2.3. Bước đầu thực hiện tin học văn phòng, nắm được nguyên tắc nhập số liệu theo các phần mềm chuyên ngành y, nhất là chuyên ngành YHCT

2.4. Trình bày được các chuyên đề sau đại học

2.4.1 Những quy định cơ bản về:

- Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái sinh lý và bệnh lý theo quan điểm YHCT

- Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ sức khỏe bằng phương pháp YHCT kết hợp YHHĐ.

- Lý luận cơ bản của YHCT, những thành tựu mới về YHCT liên quan đến kết hợp YHHĐ với YHCT và hiện đại hóa YHCT.

2.4.2. Những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh và nâng cao thể trạng con người theo YHCT có kết hợp YHHĐ.

2.4.3. Phương pháp luận khoa học trong YHCT đối với công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học và đào tạo.

2.4.4. Phương pháp tổ chức, quản lý YHCT

### **3. Yêu cầu về kỹ năng**

#### **3.1. Kỹ năng cứng**

- Khám, xử trí và chữa được một số bệnh thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ.
- Phân tích được cơ sở lý luận của việc chẩn đoán và điều trị, làm chủ và thành thạo các thủ thuật, thao tác điều trị bằng YHCT, kết hợp chẩn đoán bệnh theo YHHĐ.
- Chủ động tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận các vấn đề theo phương pháp luận của YHCT và YHHĐ. Giảng dạy được những nội dung chuyên ngành đào tạo cán bộ YHCT, hướng dẫn cho sinh viên học tập và thực hành.
- Tổng kết được hoạt động chuyên môn (chủ yếu thực hành) về YHCT.
- Chủ động bào chế đông dược, nhất là một số thuốc YHCT thông thường tại các cơ sở điều trị.

### **3.2 Kỹ năng mềm**

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.
- Phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.
- Sử dụng được một số phần mềm thống kê áp dụng trong NCKH y học.

### **4. Yêu cầu về thái độ**

- Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Luôn đặt quyền lợi được chăm sóc sức khỏe an toàn – chất lượng của người bệnh và của cộng đồng.
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu nghề nghiệp.
- Trung thực, khách quan có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Lập kế hoạch, tổ chức, sử dụng và đánh giá được chất lượng các nguồn lực thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu thực tiễn.
- Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền một cách khoa học và có hiệu quả.
- Quảng bá hình ảnh người bác sĩ qua cam kết làm việc theo các tiêu chuẩn thực hành lâm sàng tốt, thực hiện trách nhiệm xã hội với tác phong chuyên nghiệp, đạo đức, lối sống lành mạnh và văn hóa giao tiếp, ứng xử tốt.

### **5. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp**

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế; cơ quan đào tạo nguồn nhân lực y tế
- Khoa YHCT các bệnh viện tuyến trung ương đến cơ sở, bệnh viện Y học cổ truyền
- Viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ

### **6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Chuyên khoa cấp II.

- Thạc sĩ Y học.
- Tiến sĩ Y học.

## QUỸ THỜI GIAN

TT	Khối lượng học tập	Đơn vị học trình/ Tiết học			
		TS	LT	TH	Tỉ lệ %
1	Các môn chung (Tin học, triết, ngoại ngữ)	20			20%
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ - Môn cơ sở: Sinh lý học. - Môn hỗ trợ: Hồi sức cấp cứu.	4 6			10%
3	Các môn chuyên ngành	62	26	36	60%
4	Thi tốt nghiệp	10			10%
	<b>Cộng</b>	<b>102</b>			<b>100%</b>



**PHÂN BỐ QUỸ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC (tính theo tuần)**

<b>Học kỳ</b>	<b>Học tập</b>	<b>Thi</b>	<b>Tết/Hè</b>	<b>Lao động</b>	<b>Thực địa</b>	<b>Hoạt động khác</b>	<b>Dự trữ</b>	<b>Tổng</b>
I	13	2	4	1		1	1	25
II	16	2	4	1	2	1	1	27
III	12	2	4	1	5	1	1	26
IV	14	2	4	1	3	1	1	26
<b>Tổng</b>	<b>55</b>	<b>8</b>	<b>16</b>	<b>4</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>101</b>

# CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I YHCT

## A. CÁC MÔN HỌC CHUNG

STT	Mã số	Tên môn học Học phần	Tổng số ĐVHT Tiết học	Phân bố ĐVHT / Tiết học	
				LT	TH
1.	100.01	Triết học	6 /90	4/60	2/30
2.	101.01	Tin học	4 /90	2/30	2/60
3.	104.01	Ngoại ngữ chuyên ngành (Anh văn hoặc Trung văn)	10 /210	6/90	4/120

## B. CÁC MÔN HỌC CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ:

STT	Mã số	Tên môn học Học phần	Tổng số ĐVHT Tiết học	Phân bố ĐVHT / Tiết học	
				LT	TH
1.		Sinh lý học	4 /60	4/60	
2.		Hồi sức cấp cứu	8/135	3/45	5/90

## C. CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH

STT	Mã số	Tên môn học Học phần	Tổng số ĐVHT Tiết học	Phân bố ĐVHT / Tiết học	
				LT	TH
1.		Lý luận Y học cổ truyền	4 /60	4/60	
2.		Huyết chứng, Thương hàn, Ôn bệnh	8 /150	6/90	2/60
3.		Các phương pháp không dùng thuốc	10 /225	5/75	5/150

4.		Các phương pháp dùng thuốc	10 /225	5/75	5/150
5.		Nội khoa, Nhi khoa	17 /390	8/120	9/270
6.		Ngoại khoa, Phụ khoa	13 /285	7/105	6/180

# CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I YHCT

## A. CÁC MÔN HỌC CHUNG

STT	Tên môn học Học phần	Tổng số ĐVHT /%	Phân bố ĐVHT / Tiết học	
			LT(n/%)	TH(n/%)
1.	Triết học	6/6	6/6	0/0
2.	Tin học	4/4	2/2	2/2
3.	Ngoại ngữ chuyên ngành	10/10	10/10	0/0
	<b>Tổng</b>	<b>20/20</b>	<b>18/18</b>	<b>2/2</b>

## B. CÁC MÔN HỌC CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ:

STT	Tên môn học Học phần	Tổng số ĐVHT /%	Phân bố ĐVHT / Tiết học	
			LT	TH
1.	Sinh lý học	4/4	4/4	0/0
2.	Hồi sức cấp cứu	8/8	3/3	5/5
	<b>Tổng</b>	<b>12/12</b>	<b>7/7</b>	<b>5/5</b>

### C. CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH

STT	Tên môn học Học phần	Tổng số ĐVHT Tiết học	Phân bố ĐVHT / Tiết học	
			LT	TH
1.	Lý luận Y học cổ truyền	4 /4	4/4	0
2.	Huyết chứng, Thương hàn, Ôn bệnh	8 /8	6/6	2/2
3.	Các phương pháp không dùng thuốc	10 /10	5/5	5/5
4.	Các phương pháp dùng thuốc	10 /10	5/5	5/5
5.	Nội khoa, Nhi khoa	17 /17	8/8	9/9
6.	Ngoại khoa, Phụ khoa	13 /13	7/7	6/6
	<b>TỔNG</b>	<b>62/62</b>	<b>35/35</b>	<b>27/27</b>
	Ôn và thi Tốt nghiệp	<b>06/6</b>	<b>2/2</b>	<b>4/4</b>

**Tổng cộng: 100 ĐVHT**

**BẢNG PHÂN BỐ TỔNG QUÁT CÁC MÔN HỌC THEO  
HỌC KỲ TRONG TOÀN KHÓA**

STT	Mã số	Môn học	Học kỳ (ĐVHT)			
			I	II	III	IV
1.	100.01	Triết học	6			
2.	101.01	Tin học	4			
3.	104.01	Ngoại ngữ chuyên ngành	5	5		
4.		Sinh lý học	4			
5.		Hồi sức nội khoa	6			
6.		Lý luận y học cổ truyền		4		
7.		Huyết chứng – Thương hàn - Ôn bệnh.		8		
8.		Các phương pháp không dùng thuốc.		8	2	
9.		Các phương pháp dùng thuốc.			10	
10.		Nội khoa, Nhi khoa YHCT.			14	3
11.		Ngoại khoa, phụ khoa YHCT.				13
12.	Thi tốt nghiệp.					10
<b>Tổng cộng</b>			<b>25</b>	<b>25</b>	<b>26</b>	<b>26</b>

## MÔ TẢ THI TỐT NGHIỆP

1. Thời gian ôn thi: 8 Đ.V.H.T.
2. Thời gian thi: 2 Đ.V.H.T.
3. Hình thức thi:
  - Thi lý thuyết: (thi viết 120 phút)
  - Thi tay nghề: thủ thuật.
  - Thi bệnh án.

\* Môn thi tốt nghiệp:

- Môn chuyên ngành: Y học cổ truyền.
- Ngoại ngữ trình độ B (do nhà trường tổ chức thi).

\* Cấu trúc hội đồng:

Từ 3 – 5 thành viên có học hàm, học vị theo qui định của Bộ Y tế, trong đó có 1/3 thành viên hội đồng là người ngoài trường.

## **CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU**

1. Thực hành cận lâm sàng:
2. Thực hành tiền lâm sàng:
3. Thực hành tại bệnh viện:
  - Bệnh viện Việt Tiệp.
  - Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng.
  - Khoa Y học cổ truyền bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
4. Thực tế tại cộng đồng:
  - Vườn thuốc trạm y tế xã Đặng Cương, An Dương.



## **Phần nội dung chương trình chi tiết**

# TÊN MÔN HỌC: TRIẾT HỌC

## A. CÁC MÔN HỌC CHUNG

### TÊN MÔN HỌC: TRIẾT HỌC

1. Số ĐVHT: 6 ĐVHT

2. Số tiết học: 90 tiết

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Chứng chỉ : 1

5. Mục tiêu môn học: Sau khi kết thúc khoá học học viên có khả năng:

5.1. Trình bày được những nội dung cơ bản của triết học.

5.2. Vận dụng có hiệu quả vào chuyên ngành của mình.

6. Nội dung:

STT	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận (tiết)	Tổng số (tiết)
1	<b>Chương 1:</b> Khái luận về triết học <i>Phần 1:</i> Triết học là gì ? <i>Phần 2 :</i> Triết học phương Đông và Triết học phương Tây	16	4	20
2	<b>Chương 2 :</b> Triết học Mác – Lênin <i>Phần 1 :</i> Sự ra đời của Triết học Mác – Lênin <i>Phần 2 :</i> Chủ nghĩa duy vật biện chứng <i>Phần 3 :</i> Phép biện chứng duy vật <i>Phần 4 :</i> Chủ nghĩa duy vật lịch sử <i>Phần 5 :</i> Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay	30	15	45
3	<b>Chương 3 :</b> Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học <i>Phần 1 :</i> Mối quan hệ giữa khoa học và Triết học <i>Phần 2 :</i> Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học	7	3	10
4	<b>Chương 4 :</b> Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội <i>Phần 1 :</i> Ý thức khoa học <i>Phần 2 :</i> Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội <i>Phần 3 :</i> Khoa học công nghệ ở Việt nam	10	5	15
5	Tổng	63 tiết	27 tiết	90 tiết

## **7. Phương pháp dạy học:**

1. Thuyết trình
2. Thảo luận nhóm
3. Tự nghiên cứu

## **8. Phương pháp đánh giá:**

1. Kiểm tra theo đơn vị học trình
2. Tiểu luận: 02 tiểu luận (Lịch sử triết học và các nguyên lý Mác-Lênin).
3. Thi chứng chỉ: Viết cải tiến.

## **9. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy**

Bộ môn triết học Mác - Lê nin trường Đại học Y Hải Phòng

## **10. Cán bộ giảng dạy:**

1. ThS-GVC. Đào Nguyên Hùng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
2. ThS-GVC. Hoàng Minh Hường - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
3. ThS-GVC-. Nguyễn Tiến Trường - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.

## **11. Tài liệu giảng dạy:**

- Giáo trình triết học: Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học, Chính trị Quốc gia, 2007
- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và X.
- Triết học Mác Lênin – Hội đồng lý luận TW –NXB chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

## TÊN MÔN HỌC: TOÁN - TIN ỨNG DỤNG LÂM SÀNG

- |                           |       |        |
|---------------------------|-------|--------|
| 1. Số đơn vị học trình: 4 | LT: 2 | TH: 2  |
| 2. Số tiết học: 60        | LT:30 | TH: 30 |
| 3. Số lần kiểm tra: 1     |       |        |
| 4. Số chứng chỉ: 1        |       |        |

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

### CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung
- ThS. Đào Thu Hằng

### MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng Bác sĩ chuyên khoa cấp I (CK I) gồm 4 đơn vị học trình (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

#### Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, *OR*, *RR*, hệ số tương quan tuyến tính,...

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai **hoặc** nhiều kỳ vọng, *ANOVA* một nhân tố, *ANOVA* hai nhân tố,

So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp *Chi Square*,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến.

Tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số *K*, *F*, *P* hệ số *Sperman*, Hệ số *Pearson*,...

## MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

## NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu, công thức tính cỡ mẫu, tính cỡ mẫu trên máy tính	2	2
2	Xây dựng cấu trúc dữ liệu, sai số thô, nhiễu và các kỹ thuật làm sạch số liệu.	2	2
3	Nhập dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu: Bổ xung, xóa, sắp xếp, tìm kiếm, mã hóa ....	2	2
4	Các tham số quần thể, tham số mẫu, tính các tham số đặc trưng mẫu. Ý nghĩa các tham số đặc trưng	2	2
5	Các bài toán ước lượng: Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> .	2	2
6	Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai.	2	2
7	Thống kê phi tham số: So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính.	3	3

8	Một số kiểm định phi tham số khác: Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, kiểm định đoạn mạch.	3	3
9	Tương quan tuyến tính đơn biến, hệ số tương quan tuyến tính, kiểm định mức độ tương quan. Đường hồi quy.	3	3
10	Tương quan đa biến. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan $Q$ , hệ số tương quan $F$ .	3	3
12	Liên quan giữa các đại lượng có thứ bậc, hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập.	3	3

## **PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp. Học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Sử dụng máy tính và phần mềm *SPSS* để xử lý số liệu.

## **7. TÀI LIỆU DẠY HỌC**

Tài liệu học tập:

Bài giảng môn Toán tin ứng dụng, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2013.

Tài liệu tham khảo:

1. *Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học)*, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.
2. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, 2009.
3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.
4. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng (Phần phân tích số liệu)*, NXB Y học, 2009.

## **8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC**

Giảng đường, bảng, phấn, máy tính của học viên, máy chiếu.

## **9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

Kiểm tra thực hành: 1 bài

Thi hết học phần: 1 bài

## TÊN MÔN HỌC: NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

1. Số đơn vị học trình: 10      LT:10      TH: 0

2. Số tiết học: 150      LT:150      TH: 0

3. Số lần kiểm tra: 2

4. Số chứng chỉ: 1

### 1. Mục tiêu học phần

- Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

### 2. Mô tả học phần:

Học phần được chia làm 2 giai đoạn:

\_ Giai đoạn 1 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với trình độ tương đương B1 theo khung Châu Âu. Sinh viên học từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo định hướng của các bài thi lấy chứng chỉ B1.

\_ Giai đoạn 2 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên được cung cấp từ vựng chuyên ngành và ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học và các tài liệu chuyên ngành y.

### 3. Nội dung chi tiết:

#### 10.1. Giai đoạn 1 (05 đơn vị học trình – 75 tiết)

STT	Tên bài	Số tiết
-----	---------	---------



1	Unit1. Present tenses + Speaking	4
2	Unit 2. Past tenses + Speaking	4
3	Unit 4. Present perfect simple, present perfect continuous	4
4	Unit 5. Past perfect simple, past perfect continuous	4
5	Unit 7. Future time + Speaking	4
6	Unit 8. Preposition of time and place + Speaking	4
7	Unit 10. The passive 1	4
8	Unit 11. The passive 2	4
9	Revision	4
10	Vocabulary: Parts of the body + Body movement	4
11	Vocabulary: The senses + Feeling ill	4
12	Vocabulary: Injuries + At the doctor's	4
13	Vocabulary: In hospital + Reading: Stress	4

14	Reading: Drug abuse + Heart disease	4
15	Reading: Nutrition + Pregnancy	4
16	Group Presentation 1	4
17	Group Presentation 2	4
18	Group Presentation 3	4
19	Revision	3

**10.2. Giai đoạn 2** (05 đơn vị học trình – 75 tiết):

<b>STT</b>	<b>Tên bài</b>	<b>Số tiết</b>
1	Unit 1. Shapes and Properties	4
2	Unit 2. Location	8
3	Unit 3. Structure	4

STT	Tên bài	Số tiết
4	Unit 4. Revision A	4
5	Unit 5. Measurement	4
6	Unit 6. Function	8
7	Unit 7. Actions in sequence	4
8	Unit 8. Revision B + Midterm Test	4
9	Unit 9. Quantity	4
10	Unit 10. Cause and Effect	8
11	Unit 11. Proportion	4
12	Unit 12. Revision C	4
13	Unit 13. Frequency and Probability	8
14	Unit 14. Method	4
15	Unit 15. Consolidation	3

75

**4. Phương pháp dạy học:**

- \_ Thuyết trình, phát vấn
- \_ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

**5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:**

- \_ Phần, bảng hoặc projector (power point),
- \_ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

## **6. Lượng giá:**

### ***13.1. Đánh giá ban đầu:***

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

### ***13.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình ( Điều kiện dự thi hết học phần)***

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp
- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.
- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

### ***13.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ***

- \_ 01 bài thi Nói hết học phần.
- \_ 01 bài thi Viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 120 phút
- \_ Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Nói sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

## **7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn Ngoại ngữ

## **8. Cán bộ tham gia giảng dạy:**

- + GV Ths. Trần Thị Hòa
- + GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- + GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- + GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn

## **9. Tài liệu học tập:**

**Giai đoạn 1:** Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

**Giai đoạn 2:** Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

## TÊN MÔN HỌC: TOÁN - TIN ỨNG DỤNG LÂM SÀNG

- |                           |       |        |
|---------------------------|-------|--------|
| 1. Số đơn vị học trình: 4 | LT: 2 | TH: 2  |
| 2. Số tiết học: 60        | LT:30 | TH: 30 |
| 3. Số lần kiểm tra: 1     |       |        |
| 4. Số chứng chỉ: 1        |       |        |

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

### CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung
- ThS. Đào Thu Hằng

### MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng Bác sĩ chuyên khoa cấp I (CK I) gồm 4 đơn vị học trình (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

#### Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, *OR*, *RR*, hệ số tương quan tuyến tính,...

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai **hoặc** nhiều kỳ vọng, *ANOVA* một nhân tố, *ANOVA* hai nhân tố,

So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp *Chi Square*,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến.

Tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số  $K$ ,  $F$ ,  $P$  hệ số *Sperman*, Hệ số *Pearson*,...

## MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

## NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu, công thức tính cỡ mẫu, tính cỡ mẫu trên máy tính	2	2
2	Xây dựng cấu trúc dữ liệu, sai số thô, nhiễu và các kỹ thuật làm sạch số liệu.	2	2
3	Nhập dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu: Bổ xung, xóa, sắp xếp, tìm kiếm, mã hóa ....	2	2
4	Các tham số quần thể, tham số mẫu, tính các tham số đặc trưng mẫu. Ý nghĩa các tham số đặc trưng	2	2
5	Các bài toán ước lượng: Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> .	2	2
6	Kiểm định giả thiết thông kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai.	2	2
7	Thống kê phi tham số: So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính.	3	3



8	Một số kiểm định phi tham số khác: Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, kiểm định đoạn mạch.	3	3
9	Tương quan tuyến tính đơn biến, hệ số tương quan tuyến tính, kiểm định mức độ tương quan. Đường hồi quy.	3	3
10	Tương quan đa biến. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan $Q$ , hệ số tương quan $F$ .	3	3
12	Liên quan giữa các đại lượng có thứ bậc, hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập.	3	3

## PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp. Học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Sử dụng máy tính và phần mềm *SPSS* để xử lý số liệu.

## 7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu học tập:

Bài giảng môn Toán tin ứng dụng, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2013.

Tài liệu tham khảo:

5. *Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học)*, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.
6. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, 2009.

7. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.
8. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng (Phân phân tích số liệu)*, NXB Y học, 2009.

## **10. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC**

Giảng đường, bảng, phấn, máy tính của học viên, máy chiếu.

## **11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

Kiểm tra thực hành: 1 bài

Thi hết học phần: 1 bài



# TÊN MÔN HỌC: SINH LÝ HỌC

**Mã số:** YHSL.521

**Số ĐVHT:** 4      **LT:** 4      **TH:** 0

**Số tiết:** 60      **LT:** 60 tiết      **TH:** 0

**Số lần thi:** 1

**Số chứng chỉ:** 1

**Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn Sinh lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

**Cán bộ giảng dạy:**

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi - Bộ môn Sinh lý - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
2. GS. TS. Nguyễn Trường Sơn – Bộ môn Y học biển - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
3. ThS.BS.NCS.Đào Thu Hồng - Bộ môn Sinh lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

## I. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Sinh lý học là môn học về:

- Các quy luật cơ bản về hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng của tế bào, hoạt động chức năng chuyên biệt của một số cơ quan trong cơ thể: huyết áp động mạch, tuần hoàn phổi, tuần hoàn mạch vành, tuần hoàn não, thông khí phổi, điều hòa cân bằng acid-base, sinh lý đau, thần kinh thực vật, sinh lý phát triển cơ thể.
- Một số rối loạn hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể.

## II. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

**Sau khi kết thúc khóa học, học viên phải đạt được:**

*\* Về kiến thức:*

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng các cơ quan.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

*\* Về thái độ:*

- Nhận thức được rõ vai trò của môn sinh lý học là nền tảng về hoạt động chức năng của cơ thể nhằm sử dụng vào việc học tập, nghiên cứu và phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

*\* Về kỹ năng:*

- Có kỹ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.

- Có kỹ năng phân tích, lập luận, diễn giải một số xét nghiệm thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và theo dõi điều trị.

### III. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung	Số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Quá trình vận chuyển vật chất qua màng tế bào	5	0
2	Sinh lý hồng cầu	5	0
3	Sinh lý quá trình cầm máu	5	0
4	Đặc tính và chức năng của các loại bạch cầu	5	0
5	Vi tuần hoàn	5	0
6	Tuần hoàn phổi	6	0
7	Điều hòa pH máu	6	0
8	Prostaglandin	5	0
9	Chức năng thông khí phổi và điều hòa chức năng thông khí phổi	6	0
10	Chức năng vận chuyển khí trong máu	6	0
11	Sinh lý hoạt động của tim	6	0
	<b>Tổng</b>	<b>60</b>	<b>0</b>

### IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

- Lý thuyết: Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực: pháp vấn, thảo luận nhóm, dạy học theo mục tiêu. Một số nội dung được giao cho học viên chuẩn bị trước ở nhà.

- Thực hành: Ca lâm sàng, phân tích kết quả xét nghiệm, thăm dò chức năng.

- Vật liệu dạy học: Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, máy móc thăm dò chức năng tim, phổi, máu.

### V. TÀI LIỆU HỌC TẬP

#### 1. Tài liệu giảng dạy

- Thực tập Sinh lý học, Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Dược Hải Phòng.

- Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

- Bộ môn Sinh lý học Đại học Y Hà Nội (1996). Chuyên đề sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

## **2. Tài liệu tham khảo**

- Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
- Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
- Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9<sup>th</sup> ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

## **3. Tài liệu hướng dẫn sinh viên tự học**

- Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.
- Bộ môn Sinh lý học Đại học Y Hà Nội (1996). Chuyên đề sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

## **VI. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

- Đánh giá ban đầu : pháp vấn, bài kiểm tra viết ngắn
  - Đánh giá thường xuyên: pháp vấn, bài kiểm tra viết ngắn
- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện để thi hết học phần.
- Đánh giá hết học phần: thi viết tự luận

**Cách tính điểm môn học:** là điểm thi tự luận

## **VII. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY**

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng học viên.
- Các máy móc, phương tiện phục vụ dạy học như máy điện tim, máy đo thông khí phổi, huyết áp kế, máy huyết học,...

# TÊN MÔN HỌC: HỒI CỨC CẤP CỨU

## MÔN 1: HỒI SỨC CẤP CỨU NỘI CK1 Y học cổ truyền

- Số đơn vị học trình:** 8                      LT: 3                      TH: 5
- Số tiết học:** 120                      LT: 45                      TH: 75
- Số lần kiểm tra:** 2
- Số chứng chỉ:** 1

### 5. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn hồi sức nội là môn có liên quan với các môn học chuyên ngành chuyên khoa y học cổ truyền trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Môn học này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản có hệ thống hiện đại và kỹ năng thực hành giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa đầy đủ và hoàn chỉnh nhất. Những nội dung chưa được học và những nội dung đã học ở bậc đại học tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

### 6. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

#### Lý thuyết:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực HSCC như suy hô hấp cấp, suy tuần hoàn cấp, suy thận cấp, cấp cứu ngừng tim phổi ...

#### Lâm sàng:

- Thực hành cấp cứu ngừng tim phổi ở ngoài khoa HSCC, theo dõi được bệnh nhân thở máy, trên Monitoring, theo dõi bệnh nhân chạy thận nhân tạo.

### 7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Suy hô hấp cấp	6	4

2.	Ngừng tuần hoàn	6	4
3.	Shock	7	4
4.	Suy thận cấp	6	4
5.	Rối loạn thăng bằng nước, điện giải và acid - bazơ	7	5
6.	Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân hôn mê	6	4
7.	Ngộ độc cấp	7	5

## 8. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại.
2. Thảo luận nhóm.
3. Bài tập tình huống.
4. Hệ câu hỏi lựa chọn.
5. Trường hợp lâm sàng.

## 9. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

- Nội khoa Tập I, tập II, Bộ môn Nội ĐHYHP - tài liệu lưu hành nội bộ.
- Vũ Văn Đình: Hồi sức cấp cứu toàn tập T1, T2 - 1998.
- Vũ Đình Hải, Nguyễn Văn Tiệp: Cấp cứu một số nhiễm độc cấp thường gặp. NXBYH 1994.
- Bùi Xuân Tám: Bệnh hô hấp. NXBYH 1999.
- Vũ Văn Đình, Nguyễn Thị Dụ, xử trí cấp cứu nội khoa.
- PGS.TS. Nguyễn Đạt Anh, PGS.TS Đặng Quốc Tuấn, Hồi sức cấp cứu tiếp cận theo phác đồ, 2012, sách dịch
- Harrisons: Principles of Internal Medicine.
- Lippincott Williams Wilkins - 2005. The Washington manual of medical Therapeutics.

**10. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Nội – Đại học Y Dược Hải Phòng



Giảng viên môn học:

- PGS.TS Nguyễn Thị Dung – Phó trưởng bộ môn Nội – trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- TS. Trần Thanh Cảng - Trưởng khoa Hồi sức Nội bệnh viện Việt - Tiệp Hải Phòng.
- BS CKII Nguyễn Thắng Toàn - Trưởng khoa Hồi sức Ngoại Bệnh viện Việt - Tiệp Hải Phòng.

## **11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,...
- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.

Thi lý thuyết

- Đánh giá ban đầu.
- + Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Nội cơ sở.
- + Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học Nội cơ sở.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại các khoa, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 120 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

## **12. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY**

### - Lý thuyết:

- + Giảng đường.
- + Máy chiếu.
- + Bảng.
- + Loa đài, micro.

### - Thực hành:

- + Mô hình.
- + Máy đo huyết áp.
- + Thước dây.
- + Tranh minh họa.

# TÊN MÔN HỌC: Y HỌC CỔ TRUYỀN

## HỌC PHẦN: LÝ LUẬN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã số: 607260 CKI

Số đơn vị học trình: LT: 4

Số tiết học: LT: 60

Số lần kiểm tra:

Số chứng chỉ: 01

Mục tiêu học tập:

1. Trình bày và giải thích được những nội dung cơ bản của lý luận YHCT và vận dụng chúng vào Y học.
2. Phân tích được chẩn đoán và biện chứng luận trị theo YHCT.
3. Nêu được ý nghĩa của nội dung các sách kinh điển của YHCT.
4. Nhận thức được tính chất khoa học của những kiến thức triết học YHCT.

Nội dung:

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết học	
		Bài giảng	Các hình thức khác
1.	Học Thuyết Âm Dương, học thuyết ngũ hành	4	
2.	Học thuyết thiên nhân hợp nhất, Học thuyết tinh khí thần huyết	4	
3.	Học thuyết tạng tượng	8	
4.	Học thuyết kinh lạc	4	
5.	Nguyên nhân gây bệnh	4	
6.	Chẩn pháp	6	
7.	Bát pháp	6	

8.	Phép tắc trị liệu	4	
9.	Các hội chứng bệnh khí, huyết, tân dịch, tạng phủ	8	
10.	Ngũ lục khí	4	
11.	Dịch lý cơ bản	4	
12.	Hải Thượng Lãn Ông, Tuệ Tĩnh	4	

**Phương pháp dạy/học:** Thuyết trình, thảo luận nhóm.

**Phương pháp lượng giá:** Truyền thống

**Tài liệu học tập:**

1. Bộ y tế, Trường Đại học Y Hà Nội (2005). *Bài giảng Y học cổ truyền*. Tập 1, Nhà xuất bản y học.
2. Bộ y tế (2002). *Y dịch*. Nhà xuất bản y học.
3. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1997). *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh*. Nhà xuất bản y học.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Bành Văn Khừu (2002). *Những học thuyết Y học cổ truyền*. Nhà xuất bản Hà Nội
2. Hoàng Bảo Châu (1995). *Lý luận Y học cổ truyền*. Nhà xuất bản Y học.

**Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn YHCT Đại học Y Dược Hải Phòng

**Giảng viên:**

PGS. TS. Phạm Văn Trinh.

PGS. TS Nguyễn Nhược Kim

TS. Trần Quang Minh

TS. Lương Trần Khuê.

# TÊN MÔN HỌC: Y HỌC CỔ TRUYỀN

## HỌC PHẦN: HUYẾT CHỨNG – THƯƠNG HÀN - ÔN BỆNH

Mã số: 607260 CKI

Số đơn vị học trình: LT: 6 TH: 2

Số tiết học: LT: 90 TH: 60

Số lần kiểm tra:

Số chứng chỉ: 01

Mục tiêu lý thuyết:

Trình bày và giải thích được những nội dung cơ bản của Huyết chứng – Thương hàn - Ôn bệnh.

Nội dung:

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết học	
		Bài giảng	Các hình thức khác
1	Huyết chứng		
	- Phần 1: Một số chứng của huyết chứng.	10	5
	- Phần 2: Huyết hạ hành	10	5
	- Phần 3: 200 bài thuốc thường dùng.	10	5
2	Thương hàn	20	5
3	Ôn bệnh	15	5

Mục tiêu thực hành:

Chẩn đoán và điều trị được theo YHCT một số chứng thường gặp của Huyết chứng – Thương hàn - Ôn bệnh.

STT	Chủ đề hoặc kỹ năng	Số tiết học	
		Giảng LS	Các hình thức khác
1.	200 bài thuốc thường dùng	30	
2.	Thương hàn	20	
3.	Ôn bệnh	10	

**Phương pháp dạy/học:** Thuyết trình, thảo luận nhóm, lâm sàng.

**Phương pháp lượng giá:** Truyền thống (lý thuyết), Thi bệnh án, và vấn đáp.

**Tài liệu học tập:**

1. Khoa Y học cổ truyền - trường Đại học Y Hà Nội (1996). *Huyết chứng*. Nhà xuất bản Y học.
2. Khoa Y học cổ truyền - trường Đại học Y Hà Nội (1996). *Thương hàn*. Nhà xuất bản Y học.
3. Khoa Y học cổ truyền - trường Đại học Y Hà Nội (1996). *Ôn bệnh*. Nhà xuất bản Y học.

**Tài liệu tham khảo:**

**Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn YHCT Đại học Y Dược Hải Phòng.

**Giảng viên:**

PGS. TS. Nguyễn Nhược Kim.

PGS. TS. Phạm Văn Trịnh.

TS. Lương Trần Khuê.

TS. Trần Thị Thu Vân

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

# TÊN MÔN HỌC: Y HỌC CỔ TRUYỀN

## HỌC PHẦN: CÁC PHƯƠNG PHÁP KHÔNG DÙNG THUỐC

Mã số: 607260 CKI

Số đơn vị học trình: LT: 5 TH: 5

Số tiết học: LT: 75 TH: 150

Số lần kiểm tra:

Số chứng chỉ: 01

Mục tiêu lý thuyết:

1. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của châm cứu, dưỡng sinh, xoa bóp theo YHCT và YHHĐ.
2. Trình bày được nội dung, tác dụng điều trị của châm cứu, dưỡng sinh, xoa bóp.

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết học	
		Bài giảng	Các hình thức khác
1.	Dưỡng sinh	15	
2.	Xoa bóp	20	
3.	Châm cứu	25	
4.	Bệnh học (Viêm quanh khớp vai, Liệt nửa người; Đau đầu; Liệt thần kinh VII ngoại biên; Đau vai gáy; Đau lưng; Đái dầm; Đau thần kinh tọa; Đau khớp).	15	

Mục tiêu thực hành:

1. Ứng dụng được châm cứu, dưỡng sinh, xoa bóp điều trị một số bệnh cụ thể.
2. Hướng dẫn được một số bài tập dưỡng sinh cơ bản cho người bệnh.

Nội dung:

STT	Chủ đề hoặc kỹ năng	Số tiết học	
		Giảng LS	Các hình thức khác
1.	Dưỡng sinh	10	
2.	Xoa bóp	50	
3.	Châm cứu	50	
4.	Bệnh học (Viêm quanh khớp vai, Liệt nửa người; Đau đầu; Liệt thần kinh VII ngoại biên; Đau vai gáy; Đau lưng; Đái dầm; Đau thần kinh toạ; Đau khớp).	40	

**Phương pháp dạy/học:** Thuyết trình, thảo luận nhóm, lâm sàng.

**Phương pháp lượng giá:** Truyền thống (lý thuyết), Bệnh án.

**Tài liệu học tập:**

1. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1998). *Châm cứu học*. Nhà xuất bản Y học.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Học viện Y học cổ truyền Trung Quốc. *Châm cứu học*. Nhà xuất bản y học.

2. Hoàng Phủ Mật. *Châm cứu giáp ắt kinh*. Nhà xuất bản Thuận Hoá.

3. Lê Quý Ngưu. *Châm cứu ứng dụng vạn niên lịch*. Nhà xuất bản Hồ Chí Minh.

4. Hà Kim Sinh (2000). *Bấm huyệt chữa bệnh*. Nhà xuất bản Y học.

5. Nhà xuất bản Đà Nẵng (1991). *Âm dương khí công*. Nxb Đà Nẵng.

**Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn YHCT Đại học Y Hải Phòng.

**Giảng viên:**

PGS. TS Lê Thành Xuân

PGS.TS. Phạm Thúc Hạnh.

TS. Lê Kim Dung.

TS. Nguyễn Thi Thu Hiền



# TÊN MÔN HỌC: Y HỌC CỔ TRUYỀN

## HỌC PHẦN: CÁC PHƯƠNG PHÁP DÙNG THUỐC

Mã số: 607260 CKI

Số đơn vị học trình: LT: 5 TH: 5

Số tiết học: LT: 75 TH: 150

Số lần kiểm tra:

Số chứng chỉ: 01

Mục tiêu lý thuyết:

1. Nêu được nguyên tắc, cách sử dụng thuốc YHCT.
2. Trình bày được cơ sở tác dụng của 86 bài thuốc sử dụng trong bệnh học.
3. Phân tích được cơ sở cấu tạo và phối hợp thuốc trong cấu trúc của bài thuốc.

Nội dung:

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết học	
		Bài giảng	Các hình thức khác
1.	Đại cương về thuốc YHCT – Cách bào chế thuốc YHCT.	8	
2.	Các bài thuốc giải biểu	6	
3.	Các bài thuốc thanh nhiệt	6	
4.	Các bài thuốc hoà giải	4	
5.	Các bài thuốc trừ hàn	3	
6.	Các bài thuốc trừ phong	4	
7.	Các bài thuốc hoà thấp, lợi niệu.	3	
8.	Các bài thuốc trừ đàm	3	
9.	Các bài thuốc tiêu đạo	3	
10.	Các bài thuốc an thần	3	

11.	Các bài thuốc khai khiếu	3	
12.	Các bài thuốc cố sáp	3	
13.	Các bài thuốc tả hạ	3	
14.	Các bài thuốc hành khí và giáng khí	4	
15.	Các bài thuốc hoạt huyết	4	
16.	Các bài thuốc bổ	8	
17.	Các bài thuốc trừ trùng tích	3	
18.	Các bài thuốc chữa mụn nhọt, viêm tấy.	4	

**Mục tiêu thực hành:**

1. Ứng dụng một số bài thuốc cơ bản trong điều trị cụ thể.
2. Bào chế được một số dạng thuốc cổ truyền thông thường.

**Nội dung:**

STT	Chủ đề hoặc kỹ năng	Số tiết học	
		Giảng LS	Các hình thức khác
1.	Đại cương về thuốc YHCT – Cách bào chế thuốc YHCT.	20	
2.	Các bài thuốc giải biểu	10	
3.	Các bài thuốc thanh nhiệt	10	
4.	Các bài thuốc hoà giải	10	
5.	Các bài thuốc trừ hàn	5	
6.	Các bài thuốc trừ phong	10	
7.	Các bài thuốc hoà thấp, lợi niệu.	5	
8.	Các bài thuốc trừ đàm	5	
9.	Các bài thuốc tiêu đạo	5	
10.	Các bài thuốc an thần	5	

11.	Các bài thuốc khai khiếu	5	
12.	Các bài thuốc cố sáp	5	
13.	Các bài thuốc tả hạ	4	
14.	Các bài thuốc hành khí và giáng khí	8	
15.	Các bài thuốc hoạt huyết	8	
16.	Các bài thuốc bổ	20	
17.	Các bài thuốc trừ trùng tích	5	
18.	Các bài thuốc chữa mụn nhọt, viêm tấy.	10	

**Phương pháp dạy/học:** Thuyết trình, thảo luận nhóm, lâm sàng.

**Phương pháp lượng giá:** Truyền thống (lý thuyết), Bệnh án và thi vấn đáp.

**Tài liệu học tập:**

1. Hoang Minh Chung. Dược học cổ truyền. Sách đào tạo bác sỹ chuyên khoa YHCT. Hoàng Minh Chung. Nhà xuất bản y học. 2009
2. Nxb Y học. *Phương tế học*. Nhà xuất bản Y học (2009).

**Tài liệu tham khảo:**

1. Dược sĩ Tào Duy Cần. *Thuốc nam thuốc bắc và các phương thang chữa bệnh*. Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật.
3. Hải Thượng Lãn Ông. *Thuốc Việt Nam*. Nhà xuất bản văn hoá dân tộc.
4. Tiêu Thụ Đức. *Mười điều tâm đắc khi dùng Đông dược*. Nhà xuất bản y học.
5. Đỗ Tất Lợi (1995). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật.
6. Đại học Y Hà Nội. *Y học cổ truyền*. nhà xuất bản Y học (2008).

**Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn YHCT Đại học Y Hải Phòng.

**Giảng viên:**

- |                            |                      |
|----------------------------|----------------------|
| PGS. TS Nguyễn Nhượng Kim. | TS. Lương Trần Khuê. |
| PGS. TS Phạm Văn Trịnh.    | TS. Nguyễn Thị Huệ   |

# TÊN MÔN HỌC: Y HỌC CỔ TRUYỀN

## HỌC PHẦN: BỆNH HỌC NỘI KHOA, NHI KHOA

Mã số: 607260 CKI

Số đơn vị học trình: LT: 8 TH: 9

Số tiết học: LT: 120 TH: 270

Số lần kiểm tra:

Số chứng chỉ: 01

Mục tiêu lý thuyết:

1. Giải thích được cơ chế bệnh sinh và nguyên nhân gây bệnh theo YHCT.
2. Trình bày và phân tích được các triệu chứng lâm sàng của các bệnh nội khoa, nhi khoa theo YHCT.
3. Nhận thức được vai trò của YHCT và YHHĐ trong điều trị và phòng bệnh.

Nội dung:

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết học	
		Bài giảng	Các hình thức khác
	<b>I. Nội khoa</b>		
1.	Viêm đại tràng mạn	6	
2.	Vị quản thống	6	
3.	Hoàng đản	6	
4.	Hiếp thống	6	
5.	Cổ chướng	6	
6.	Huyễn vựng	6	
7.	Hư lao	6	
8.	Tiết tả	4	
9.	Điều trị một số bệnh viêm nhiễm	10	

10.	Viêm bàng quang cấp và mạn	4	
11.	Sốt xuất huyết	4	
12.	Hen	4	
13.	Thủy thũng	6	
14.	Viêm phế quản mạn	4	
15.	Rối loạn thần kinh tim	2	
16.	Viêm tắc động mạch	6	
<b>II. Nhi khoa</b>			
1.	Tiết tả	4	
2.	Cam tích (Suy dinh dưỡng)	6	
3.	Viêm cầu thận cấp	5	
4.	Ma chân (Sởi)	4	
5.	Quai bị	3	
6.	Viêm não Nhật Bản B	4	
7.	Co giật trẻ em	3	
8.	Bại liệt	5	

**Mục tiêu thực hành:**

1. Chẩn đoán và điều trị được theo YHCT và YHHD đối với một số bệnh thường gặp của Nội khoa, Nhi khoa ở mức độ chuyên sâu.
2. Hướng dẫn được cho bệnh nhân tự chăm sóc phục hồi sức khỏe tại nhà, cộng đồng sau khi ra viện bằng phương pháp YHCT.

**Nội dung:**

STT	Chủ đề hoặc kỹ năng	Số tiết học	
		Giảng LS	Các hình thức khác

<b>I. Nội khoa</b>			
1.	Viêm đại tràng mạn	15	
2.	Vị quản thông	15	
3.	Hoàng đản	15	
4.	Hiếp thống	15	
5.	Cổ chướng	15	
6.	Huyễn vụng	20	
7.	Hư lao	15	
8.	Tiết tả	10	
9.	Điều trị một số bệnh viêm nhiễm	15	
10.	Viêm bàng quang cấp và mạn	05	
11.	Sốt xuất huyết	10	
12.	Hen	10	
13.	Thủy thũng	10	
14.	Viêm phế quản mạn	10	
15.	Rối loạn thần kinh tim	05	
16.	Viêm tắc động mạch	10	
<b>II. Nhi khoa</b>			
1.	Tiết tả	15	
2.	Cam tích (Suy dinh dưỡng)	15	
3.	Viêm cầu thận cấp	10	
4.	Ma chân (Sởi)	05	
5.	Quai bị	05	
6.	Viêm não Nhật Bản B	10	
7.	Co giật trẻ em	05	

8.	Bại liệt	10	
----	----------	----	--

**Phương pháp dạy/học:** Thuyết trình, thảo luận nhóm, lâm sàng.

**Phương pháp lượng giá:** Truyền thống (lý thuyết), Bệnh án và vấn đáp.

**Tài liệu học tập:**

1. GS. Trần Thuý (2002). *Nội khoa Y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học
2. Khoa Y học cổ truyền - trường đại học y Hà Nội. *Nhi khoa Y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Đại học y khoa Hà Nội. *Y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.
2. Đại học y khoa Hà Nội. *Nội khoa Y học cổ truyền sau đại học*. Nhà xuất bản y học.
3. Lê Văn Sửu. *Cẩm nang chẩn trị*. Nhà xuất bản y học.
4. Hoàng Bảo Châu. *Nội khoa Y học cổ truyền*. Nhà xuất bản Y học (2002).

**Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn YHCT Đại học Y Hải Phòng.

**Giảng viên:**

- PGS. TS. Nguyễn Nhược Kim.
- TS. Lương Trần Khuê.
- PGS. Nguyễn Thị Thu Hà
- TS. Dương Trọng Nghĩa

# TÊN MÔN HỌC: Y HỌC CỔ TRUYỀN

## HỌC PHẦN: BỆNH HỌC NGOẠI KHOA, PHỤ KHOA YHCT

Mã số: 607260 CKI

Số đơn vị học trình: LT: 7 TH: 6

Số tiết học: LT: 105 TH: 180

Số lần kiểm tra:

Số chứng chỉ: 01

Mục tiêu lý thuyết:

1. Giải thích được cơ chế bệnh sinh và nguyên nhân gây bệnh theo YHCT.
2. Trình bày và phân tích được triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa, phụ khoa YHCT.
3. Nhận thức được vai trò của YHCT và YHHĐ trong điều trị và phòng bệnh.

Nội dung:

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết học	
		Bài giảng	Các hình thức khác
	<b>I. Ngoại khoa</b>		
1.	Đại cương – Biện chứng trong ngoại khoa	8	
2.	Các nguyên tắc chủ yếu trong điều trị ngoại khoa	6	
3.	Thương khoa	6	
4.	Phương pháp điều trị vết thương phần mềm	8	
5.	Điều trị niu thương	6	
6.	Trĩ	10	
7.	Bướu giáp trạng	6	



8.	Sỏi tiết niệu	6	
9.	Thuốc dùng ngoài	6	
	<b>II. Phụ khoa</b>		
1.	Dịch lý với con người và những vận dụng trong Phụ khoa	6	
2.	Đặc điểm sinh lý phụ nữ	4	
3.	Đặc điểm bệnh lý phụ nữ	5	
4.	Băng lậu – Rối loạn kinh nguyệt	6	
5.	Âm sang	4	
6.	Thai động – Thai lậu	5	
7.	Âm đĩnh	5	
8.	Trung hà	4	
9.	Đới hạ	4	

**Mục tiêu thực hành:**

Chẩn đoán và điều trị được theo YHCT và YHHĐ đối với một số bệnh thường gặp của Ngoại khoa, Phụ khoa YHCT.

**Nội dung:**

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết học	
		Bài giảng	Các hình thức khác
	<b>I. Ngoại khoa</b>		
1.	Thương khoa	10	
2.	Phương pháp điều trị vết thương phần mềm	15	
3.	Điều trị niu thương	10	

4.	Trĩ	35	
5.	Bướu giáp trạng	10	
6.	Sỏi tiết niệu	20	
7.	Viêm tắc động mạch	15	
8.	Thuốc dùng ngoài	15	
<b>II. Phụ khoa</b>			
1.	Dịch lý với con người và những vận dụng trong Phụ khoa	05	
2.	Băng lậu – Rối loạn kinh nguyệt	15	
3.	Âm sang	05	
4.	Thai động – Thai lậu	10	
5.	Âm đĩnh	05	
6.	Trung hà	05	
7.	Đối hạ	05	

**Phương pháp dạy/học:** Thuyết trình, thảo luận nhóm, lâm sàng.

**Phương pháp lượng giá:** Truyền thông (lý thuyết), Bệnh án và vấn đáp.

**Tài liệu học tập:**

1. Khoa y học cổ truyền - trường Đại học y Hà Nội. *Ngoại khoa y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.
2. Khoa y học cổ truyền - trường Đại học y Hà Nội. *Phụ khoa Y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Lê Quý Ngưu. *Lược khảo Phụ khoa đông y*. Nhà xuất bản thuận hóa (2000)
2. Trần Tu Viên. *Nữ Khoa yếu chỉ*. Nhà xuất bản Thanh Hóa (1998).

**Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** Bộ môn YHCT Đại học Y Hải Phòng.

**Giảng viên:**

- PGS. TS. Phạm Văn Trinh.
- TS. Nguyễn Thế Thịnh
- TS. Lương Trần Khuê.
- TS. Thái Hoàng Oanh

## **Phần chỉ tiêu tay nghề**

## NỘI DUNG CHỈ TIÊU TAY NGHỀ

STT	Nội dung tay nghề thực hành	Số lần thực hiện	Số lần đạt yêu cầu	Chỉ số đánh giá	Kết quả đánh giá
1.	Chẩn đoán và điều trị bệnh đau vai gáy	10	10	Thành thạo	Đạt
2.	Chẩn đoán và điều trị bệnh đau quanh khớp vai	10	10	Thành thạo	Đạt
3.	Chẩn đoán và điều trị bệnh liệt dây VII ngoại biên	10	10	Thành thạo	Đạt
4.	Chẩn đoán và điều trị liệt nửa người	15	15	Thành thạo	Đạt
5.	Chẩn đoán và điều trị đau lưng	10	10	Làm được	Đạt
6.	Chẩn đoán và điều trị đau thần kinh tọa	15	15	Thành thạo	Đạt
7.	Chẩn đoán và điều trị viêm loét dạ dày hành tá tràng.	10	10	Thành thạo	Đạt
8.	Chẩn đoán và điều trị hen phế quản	10	10	Làm được	Đạt
9.	Chẩn đoán và điều trị viêm khớp dạng thấp	10	10	Làm được	Đạt
10.	Chẩn đoán và điều trị suy nhược thần kinh	15	15	Làm được	Đạt
11.	Chẩn đoán và điều trị tăng HA	15	15	Làm được	Đạt
12.	Châm cứu điều trị đau vai gáy.	15	15	Thành thạo	Đạt
13.	Châm cứu điều trị đau quanh khớp vai.	15	15	Thành thạo	Đạt
14.	Châm cứu điều trị đau đầu.	15	15	Thành thạo	Đạt
15.	Châm cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên.	10	10	Thành thạo	Đạt
16.	Châm cứu điều trị liệt nửa người.	15	15	Thành thạo	Đạt
17.	Châm cứu điều trị đau lưng.	15	15	Thành thạo	Đạt

18.	Châm cứu điều trị cắt cơn đau dạ dày.	10	10	Thành thạo	Đạt
19.	Châm cứu điều trị hen phế quản.	10	10	Thành thạo	Đạt
20.	Châm cứu điều trị đái dầm.	10	10	Thành thạo	Đạt
21.	Châm cứu điều trị đau thần kinh tọa.	15	15	Thành thạo	Đạt
22.	Châm cứu điều trị đau khớp.	15	15	Thành thạo	Đạt
23.	Châm cứu điều trị suy nhược thần kinh.	15	15	Thành thạo	Đạt
24.	Xử trí vụng châm.	3	3	Thành thạo	Đạt
25.	Xoa bóp điều trị đau vai gáy.	10	10	Thành thạo	Đạt
26.	Xoa bóp điều trị đau quanh khớp vai.	10	10	Thành thạo	Đạt
27.	Xoa bóp điều trị đau đầu.	10	10	Thành thạo	Đạt
28.	Xoa bóp điều trị liệt nửa người.	10	10	Thành thạo	Đạt
29.	Xoa bóp điều trị đau lưng.	10	10	Thành thạo	Đạt

# HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

## 1. Chương trình:

Chuyên khoa I Y học cổ truyền

## 2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:

### 2.1. Nội dung:

- Sắp xếp lịch học theo thứ tự như sau: Các môn học chung, các môn học cơ sở và hỗ trợ, môn học chuyên ngành.
- Các môn học chung, các môn học cơ sở và hỗ trợ: kết thúc chương trình học thi lấy chứng chỉ.
- Môn học chuyên ngành: Đồng thời học lý thuyết và học lâm sàng, kết thúc mỗi học phần thi lấy chứng chỉ.
- Riêng môn ngoại ngữ, học xen kẽ với các môn học trên và thi lấy chứng chỉ vào cuối năm thứ hai.

### 2.2. Quỹ thời gian:

Học kỳ	Học tập	Thi	Tết/Hè	Lao động	Thực địa	Hoạt động khác	Dự trữ	Tổng
I	13	2	4	1		1	1	25
II	16	2	4	1	2	1	1	27
III	12	2	4	1	5	1	1	26
IV	14	2	4	1	3	1	1	26
<b>Tổng</b>	<b>55</b>	<b>8</b>	<b>16</b>	<b>4</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>101</b>

## 3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng:

### 3.1. Thực tập:

3.2. Thực hành lâm sàng tại bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng, bệnh viện Việt Tiệp, khoa Y học cổ truyền bệnh viện trẻ em Hải Phòng.

3.3. Thực tế tại cộng đồng: Vườn thuốc y tế xã Đặng Cương, xã Dư Hàng Kênh.

#### **4. Kiểm tra, thi:**

4.1. Kiểm tra sau mỗi đơn vị học trình: Kiểm tra lý thuyết với câu hỏi ngắn.

4.2. Thi sau mỗi học phần để tích lũy chứng chỉ: Thi chứng chỉ lý thuyết (truyền thống); Thi lâm sàng để kiểm tra khả năng thực hành và tay nghề.

4.3. Cách tính điểm:

- Kiểm tra sau mỗi đơn vị học trình chỉ tính đạt hay không đạt.

- Thi lý thuyết: hệ số 1

- Thi thực hành tay nghề: hệ số 1

- Thi thực hành bệnh án: hệ số 1

Thiếu điểm, không đạt điểm học phần hoặc môn học nào sẽ thi lại học phần hoặc môn học đó (chỉ thi lại một lần), không được bù ở các phần khác.

**HIỆU TRƯỞNG**



HIỆU TRƯỞNG  
GS.TS. *Phạm Văn Chức*